TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2025/DS-ST
Ngày 19-9-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai .

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 736/2025/TLST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 743/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp của bà G: Ông Trương Lê Minh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà F đường I, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà B, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Bà G và bà Á có quan hệ hàng xóm với nhau. Ngày 17/4/2023 bà G có cho bà Á vay 01 cây vàng 24K và số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Tiền lãi hai bên thoả thuận là 10.000.000đ/tháng và phải trả vào ngày 15 hàng

tháng nhưng đến nay bà Á không trả cho tôi số tiền nào và xin khất hết lần này đến lần khác.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu bà Á trả 01 cây vàng 24K và số tiền 350.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Á vắng mặt nên không có lời trình bày:

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Theo Văn bản số 390/CV-VKS-DS ngày 20/8/2025, Viện kiểm sát thấy các đương sự tự cung cấp chứng cứ, Toà án không thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp không tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ đương sự cung cấp thì bị đơn bà Á hiện đang sinh sống tại địa chỉ: phường T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc Á là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng và bà Á đã nhận được nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Theo giấy vay tiền và vàng ngày 17/4/2023 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung "tôi tên là Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1976. Số nhà B, khu phố A, phường A, B, Đồng Nai, giấy CCCD: 077176006689 có vay của gì Giao 01 cây vàng và 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng)"… tại cuối trang có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Ngọc Á. Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ cho bà Á và bà Á đã nhận được nhưng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Như vậy, có căn cứ để xác định bà Á thực tế có vay của bà G số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và 01 cây vàng.

[2.2.1.] Quá trình giải quyết vụ án và tài phiên toà bà G trình bày bà Á vay 01 cây vàng 24K. Mặt khác, bà Á không lên Toà án làm việc không ghi nhận được

ý kiến của bà Á, việc bà Á vắng mặt coi như từ bỏ quyền và nghãi vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà G về việc buộc bà Á phải trả 01 cây vàng 24K là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Do bà G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ trả nợ gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và 01 cây vàng 24K là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Do yêu cầu của bà Phạm Thị G được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và giá trị 01 cây vàng tại thời điểm xét xử tương ứng với số tiền 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng) là số tiền 23.280.000đ (hai mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

[4.2] Bà G thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa bà Phạm Thị G và bà Nguyễn Thị Ngọc Á.

Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị G số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và 01 cây vàng (24K).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 23.280.000đ (hai mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 - Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- PTHADS KV1- Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn